

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/DS-ST  
Ngày: 14-3-2024  
V/v: “Tranh chấp đòi tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Đào Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Phùng Văn Long.
- Ông Lê Văn Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang:**  
Ông Võ Hồng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 390/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Cao Văn Đ, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1/ Chị Lê Thị Lệ P, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Anh Nguyễn Thanh V, sinh năm 1982.

HKTT: Số C, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản hoà giải nguyên đơn ông **Cao Văn Đ** trình bày:

Năm 2012 ông có bán cho anh **V**, chị **P** toàn bộ thửa đất diện tích khoảng 1.000m<sup>2</sup>, tọa lạc tại **tổ B, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang** với giá 120.000.000 đồng, trên phần đất có 01 căn nhà tình nghĩa, khi bán thì ông thỏa thuận di dời căn nhà trên đất. Cùng năm 2012, hai bên đã giao đủ tiền và giao đất xong.

Thời điểm ông bán đất đã có dự án 2 bờ đê **kênh B**, dự án chỉ đo đạc chứ chưa có quyết định thu hồi, đền bù cụ thể. Đến năm 2014 thì dự án có quyết định thu hồi và đền bù đất, tài sản trên đất. Khi thực hiện dự án thì ông không có quyết định thu hồi và đền bù, tới khi có người khác tranh chấp thì ông mới biết số tiền đền bù bồi thường phần đất bị thu hồi vẫn còn giữ lại.

Ông **Đ** yêu cầu anh **V**, chị **P** trả cho ông số tiền theo các quyết định mà Ban dự án bờ đê kênh Bảo Định bồi thường cho anh **V**. Ông không biết chính xác số tiền mà anh **V**, chị **P** đã được bồi thường nên khi khởi kiện ông yêu cầu anh **V**, chị **P** trả cho ông tổng số tiền khoảng 100.000.000 đồng. Qua kết quả thu thập chứng cứ mà Tòa án đã thu thập thì anh **V**, chị **P** được bồi thường tổng số tiền 151.086.984 đồng. Do đó, ông yêu cầu anh **V**, chị **P** phải trả cho ông số tiền bồi thường đền bù phần đất là 151.086.984 đồng mà ông đã bán cho anh **V** trước đây, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

\* Theo bản tự khai và các biên bản hòa giải bị đơn chị **Lê Thị Lệ P** và anh **Nguyễn Thanh V** trình bày:

Trước đây vợ chồng anh chị có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông **Cao Văn Đ** và đã được Ủy ban nhân dân huyện **C** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00807 và CH00806 ngày 06/7/2012.

Vào ngày 31/12/2014 tại Quyết định số 7210/QĐ-UBND và Quyết định số 6617/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện **C** đã thu hồi và đền bù phần đất cho vợ chồng anh chị tổng số tiền 156.086.984 đồng. Vợ chồng anh chị đã nhận tiền bồi thường vào năm 2015.

Nay vợ chồng anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông **Đ** đòi vợ chồng anh chị trả lại số tiền 151.086.984 đồng mà Nhà nước đã bồi thường cho vợ chồng anh chị.

\* **Tại phiên tòa:** Ông **Đ** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi vợ chồng chị **P**, anh **V** trả lại cho ông số tiền 151.086.984 đồng mà Nhà nước đã bồi thường khi

thu hồi đối với một phần diện tích đất trước đây ông đã bán cho anh **V**, chị **P**.

Bị đơn anh **V**, chị **P** vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại bản tự khai và biên bản hoà giải tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát phân tích đối với yêu cầu khởi kiện của ông **D** là không có cơ sở chấp nhận, thời điểm anh **V** được Ủy ban nhân dân huyện **C** bồi thường do thu hồi đất thì anh **V** là chủ sở hữu hợp pháp đối với diện tích đất thu hồi và các tài sản trên đất. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **D** đối với anh **V**, chị **P**.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông **D** khởi kiện yêu cầu anh **V**, chị **P** trả cho ông số tiền 151.086.984 đồng là tiền mà anh **V**, chị **P** đã nhận khi được bồi thường đối với phần đất mà ông **D** đã chuyển nhượng cho anh **V**, chị **P**. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông **D** đòi anh **V**, chị **P** trả cho ông số tiền 151.086.984 đồng là tiền mà anh **V**, chị **P** đã nhận khi được bồi thường đối với phần đất mà ông đã chuyển nhượng cho anh **V**, chị **P**. Hội đồng xét xử xét thấy, theo các tài liệu trích lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất anh **V** nhận chuyển nhượng của ông **D** thể hiện vào ngày 05/6/2012 ông **D** đã chuyển nhượng 02 thửa đất (gồm thửa đất số 1268, tờ bản đồ số 3, diện tích 530m<sup>2</sup> và thửa đất số 1284, tờ bản đồ số 3, diện tích 460m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp **L**, xã **L**, huyện **C**, tỉnh Tiền Giang) với giá 120.000.000 đồng. Anh **V** đã được Ủy ban nhân dân huyện **C** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00807 ngày 06/7/2012 và CH00806 ngày 06/7/2012 đối với 02 thửa đất nêu trên. Đến ngày 31/12/2014 Ủy ban nhân dân huyện **C** ban hành Quyết định số 7210/QĐ-UBND thu hồi 127,8m<sup>2</sup> đất của anh **V** thuộc thửa đất số 1268, 1284; Ngày 07/12/2015 Ủy ban nhân dân huyện **C** ban hành Quyết định số 6617/QĐ-UBND thu hồi 110,6m<sup>2</sup> đất của anh **V** thuộc thửa 1268, 1284 để thực hiện công trình Thủy lợi Bảo Định giai đoạn 2 tỉnh Tiền Giang, Long An. Anh **V** đã được bồi thường tổng số tiền 151.086.984 đồng và anh **V** đã nhận tiền bồi thường cùng năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy thời điểm Ủy ban nhân dân huyện **C** thu hồi một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 1268 và 1284 để thực hiện công trình Thủy

lợi Bảo Định giai đoạn 2 tỉnh Tiền Giang, Long An thì anh **V** là chủ sở hữu hợp pháp đối với 02 thửa đất này cùng các tài sản trên đất nên ông **Đ** khởi kiện đòi anh **V**, chị **P** trả lại số tiền 151.086.984 đồng là tiền mà anh **V**, chị **P** đã nhận khi được bồi thường đối với diện tích đất thu hồi là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Đ**.

[3] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: Ông **Đ** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông **Đ** có đơn xin miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm với lý do ông **Đ** thuộc diện hộ nghèo kèm theo Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã **L** ngày 02/01/2024. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Đ**.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 165, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**1/ Tuyên xử:** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Cao Văn Đ** đòi anh **Nguyễn Thanh V** và chị **Lê Thị Lệ P** trả số tiền 151.086.984 đồng.

**2/ Về án phí:** Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Cao Văn Đ**. **H** lại ông **Đ** số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí ông nộp theo biên lai số 0006570 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**3/ Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự.
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Đào Oanh**